

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA: QUẢN TRỊ KINH DOANH

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI
Học kỳ 1 - Năm học 2021-2022

Môn:QUẢN TRỊ HỌC.....
CBGD: NGUYỄN THỊ TỈNH

STT	Mã sinh viên	Họ lót	Tên	Mã lớp	ĐQT	ĐIỂM THI	ĐTK
1	2121120119	Nguyễn Thị Minh	Anh	CCQ2112 D	8.2	6.2	7.0
2	2121120077	Phan Ngọc Kiều	Anh	CCQ2112 C	8.7	8.6	8.6
3	2119120319	Đặng Ngọc	Bảo	CCQ1912 J	8.8	7.8	8.2
4	2121120129	Võ Văn	Bình	CCQ2112 D	8.2	6	6.9
5	2121120098	Mai Thị Quỳnh	Chi	CCQ2112 C	8.3	5.2	6.5
6	2121120104	Lê Thị Kim	Cúc	CCQ2112 C	7.5	6.4	6.8
7	2121120078	Trần Minh	Cường	CCQ2112 C	7.5	7.4	7.4
8	2121120123	Nguyễn Thị Thúy	Đoan	CCQ2112 D	8.5	6	7.0
9	2121120071	Trần Văn	Đức	CCQ2112 C	8.0	7.2	7.5
10	2121120095	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	CCQ2112 C	8.5	5.8	6.9
11		Phan Công	Hiển	CCQ2112 K	7.2	7.6	7.4
12	2121120089	Nguyễn Minh	Hiếu	CCQ2112 C	7.2	6.6	6.8
13	2121120128	Võ Ngọc	Hòa	CCQ2112 D	8.8	6.4	7.4
14	2121120118	Dương Thị	Hồng	CCQ2112 D	8.7	6.2	7.2
15	2121120101	Hồ Thị Tuyết	Hồng	CCQ2112 C	8.0	6.4	7.0
16	2121120134	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	CCQ2112 D	8.7	8	8.3
17	2121120126	Võ Nguyễn Thu	Huyền	CCQ2112 D	8.0	5.8	6.7
18	2121120107	Nguyễn Hoàng	Khuê	CCQ2112 D	7.2	6.6	6.8
19	2119260176	Trần Văn	Lại	CCQ1926 E	8.0	6.2	6.9

20	2121120137	Lê Thị Mỹ	Linh	CCQ2112 D	8.2	6.4	7.1
21	2121120109	Nguyễn Thị Thùy	Linh	CCQ2112 D	8.2	7	7.5
22	2119260220	Vũ Thị Thùy	Linh	CCQ1926 F	9.2	10	9.7
23	2121120117	Ngô Văn	Luân	CCQ2112 D	8.0	6.8	7.3
24	2121120135	Huỳnh Thị Bích	Ly	CCQ2112 D	8.7	8.2	8.4
25	2121120076	Ngô Thị Mộng	Mơ	CCQ2112 C	7.8	6.6	7.1
26	2121120081	Trần Hiền	Ngân	CCQ2112 C	8.8	7.2	7.9
27	2121120140	Đỗ Lan Bảo	Ngọc	CCQ2112 D	8.7	7.4	7.9
28	2119260224	Dương Thị Hồi	Ngọc	CCQ1926 F	8.2	5.8	6.7
29	2121120073	Lê Thị Như	Ngọc	CCQ2112 C	8.7	5.8	6.9
30	2121120133	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	CCQ2112 D	7.5	6.2	6.7
31	2121120099	Phạm Nguyễn Bích	Ngọc	CCQ2112 C	7.3	6	6.5
32	2121120110	Nguyễn Hữu	Nhân	CCQ2112 D	7.3	8	7.7
33	2121120139	Phùng Thị Thanh	Nhàng	CCQ2112 D	9.0	6.2	7.3
34	2121120072	Cao Thị Linh	Nhi	CCQ2112 C	8.8	7.2	7.9
35	2121120130	Lại Thị Quỳnh	Nhi	CCQ2112 D	8.7	6.2	7.2
36	2121120116	Trần Thị	Nhi	CCQ2112 D	8.8	7.2	7.9
37	2121120122	Nguyễn Thị Nhật	Như	CCQ2112 D	8.2	5.4	6.5
38	2121120138	Võ Văn	Nhuận	CCQ2112 D	5.8	5.2	5.5
39	2121120074	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	CCQ2112 C	8.0	6.6	7.2
40	2121120090	Nguyễn Thị Kim	Oanh	CCQ2112 C	8.7	6.2	7.2
41	2121120114	Nguyễn Hoài	Phúc	CCQ2112 D	8.0	6.4	7.0
42	2119260191	Lê Nhật	Phươn g	CCQ1926 E	8.2	8.2	8.2
43	2121120083	Nguyễn Mạnh	Quân	CCQ2112 C	8.2	7	7.5
44	2121120080	Trần Thị Kim	Quỳnh	CCQ2112 C	8.2	4	5.7

45	2121120096	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	CCQ2112 C	9.3	7.2	8.1
46	2121120087	Đỗ Thu	Sang	CCQ2112 C	8.2	6	6.9
47	2121120127	Trần Thị Thu	Sang	CCQ2112 D	8.0	5.6	6.6
48	2121120113	Hồ Công	Thạch	CCQ2112 D	8.0	7.2	7.5
49	2121120131	Nguyễn Thị Tuyết	Thạch	CCQ2112 D	8.5	6.6	7.4
50	2121120086	Phạm Hồng	Thắm	CCQ2112 C	8.2	6.8	7.3
51	2121120094	Ngô Hoài	Thanh	CCQ2112 C	8.0	6.4	7.0
52	2119110265	Hồ Ngọc	Thành	CCQ1927 H	8.8	6.2	7.3
53	2121120097	Lê Xuân	Thành	CCQ2112 C	8.7	6.6	7.4
54	2121120082	Lưu Hồng	Thảo	CCQ2112 C	8.8	7	7.7
55	2121120100	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	CCQ2112 C	8.8	7	7.7
56	2121120106	Nguyễn Mỹ	Thoa	CCQ2112 D	8.8	6.4	7.4
57	2121120084	Nguyễn Thị Mỹ	Thoa	CCQ2112 C	8.7	6.8	7.5
58		Đặng Thị Kim	Thoa	CCQ2112 D	8.2	2.2	4.6
59	2121120112	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	CCQ2112 D	9.0	7.4	8.0
60	2121120120	Lê Thị Bích	Thủy	CCQ2112 D	8.8	7.4	8.0
61	2121120102	Trương Đình Gia	Tiến	CCQ2112 C	7.8	5.8	6.6
62	2120100360	Trần Thị Thùy	Trang	CCQ2012 Q	9.0	7.2	7.9
63	2121120075	Nguyễn Công	Trịnh	CCQ2112 C	8.0	7.6	7.8
64	2121120088	Trần Đại Anh	Trường	CCQ2112 C	8.8	6.8	7.6
65	2121120105	Trương Công	Trường	CCQ2112 C	8.8	7.6	8.1
66	2121120121	Nguyễn Thanh	Tuấn	CCQ2112 D	8.7	7.6	8.0
67	2121120111	Lê Đặng Thanh	Tuyền	CCQ2112 D	8.7	7.8	8.1
68	2121120091	Lê Nguyễn Minh	Tuyền	CCQ2112 C	6.8	6.8	6.8
69	2121120085	Nguyễn Thị	Tuyền	CCQ2112 C	8.2	6.2	7.0

70	2121120136	Trần Thị Kim	Tuyết	CCQ2112 D	9.0	6.4	7.4
71	2121120124	Nguyễn Thúy	Vi	CCQ2112 D	9.7	8	8.7
72	2121120093	Trần Thị Cẩm	Vi	CCQ2112 C	9.7	6.2	7.6
73	2121120092	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	CCQ2112 C	8.7	5.8	6.9
74	2121120132	Nguyễn Nữ Tường	Vy	CCQ2112 D	8.8	6.6	7.5
75	2121120079	Lê Thị Ngọc	Ý	CCQ2112 C	8.7	7	7.7
76	2121120115	Hồ Thị Mỹ	Yến	CCQ2112 D	8.8	7	7.7